

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *19* /2019/QĐ-UBND

Ninh Thuận, ngày *25* tháng *4* năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Thôn, Khu phố
trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH THUẬN

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị quyết liên tịch số 09/2008/NQLT-CP-UBTWMTTQVN ngày 17 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hướng dẫn thi hành các Điều 11, Điều 14, Điều 16, Điều 22 và Điều 26 của Pháp lệnh Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn;

Căn cứ Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Thôn, Tổ dân phố;

Căn cứ Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn về tổ chức và hoạt động của Thôn, Tổ dân phố;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 891/TTr-SNV ngày 18 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Thôn, Khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận gồm 04 Chương; 18 Điều.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày *05* tháng *5* năm 2019 và thay thế Quyết định số 31/2018/QĐ-UBND ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận ban hành quy chế tổ chức và hoạt động của Thôn, Khu phố.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các Ban, ngành thuộc tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế- Bộ Nội vụ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- TT. Tỉnh ủy, TT. HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Ninh Thuận;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Ban Tổ chức tỉnh ủy;
- Huyện, Thành ủy; HĐND các huyện, Tp;
- UBND xã, phường, thị trấn;
- Trung tâm CNTT&TT tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- VPUB: PVP (HXN);
- Lưu: VT, VXNV. PD

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Thôn, Khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận
(Ban hành kèm theo Quyết định số 19 /2019/QĐ-UBND ngày 25 /4/2019
của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Thôn, khu phố

1. Quy định thống nhất tên gọi Thôn, Khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận: dưới xã gọi là thôn; dưới phường, thị trấn gọi là khu phố và thôn.
2. Thôn, khu phố không phải là một cấp Hành chính mà là một tổ chức tự quản của cộng đồng dân cư có chung địa bàn cư trú trong một khu vực ở một xã, phường, thị trấn (gọi chung là cấp xã); nơi thực hiện dân chủ một cách trực tiếp và rộng rãi để phát huy các hình thức hoạt động tự quản, tổ chức Nhân dân thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước và nhiệm vụ cấp trên giao.

Điều 2. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động của thôn, khu phố

1. Bảo đảm tính tự quản của cộng đồng dân cư, chấp hành sự quản lý nhà nước trực tiếp của chính quyền cấp xã và sự lãnh đạo của cấp ủy đảng.
2. Tuân thủ pháp luật, thực hiện theo hương ước (quy ước); đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch.
3. Không chia tách các thôn, khu phố đang hoạt động ổn định; thực hiện sáp nhập các thôn, khu phố phù hợp với điều kiện, đặc điểm từng địa phương.
4. Trường hợp do quy hoạch giải phóng mặt bằng, quy hoạch giãn dân, do di dân ở miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa hoặc nơi có địa hình bị chia cắt phức tạp, địa bàn rộng, giao thông đi lại khó khăn thì điều kiện thành lập thôn, khu phố mới có thể thấp hơn quy định. Trong trường hợp cộng đồng dân cư mới hình thành không đủ điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới thì ghép vào thôn, khu phố liền kề.

Chương II TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA THÔN, KHU PHỐ

Điều 3. Tổ chức của thôn, khu phố

1. Mỗi thôn, khu phố có các chức danh được quy định tại Điểm b, Khoản 3 Điều 1 Quyết định số 12/2015/QĐ-UBND ngày 05 tháng 02 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định số lượng, chức danh, mức phụ cấp, mức phụ

cấp kiêm nhiệm chức danh đối với những người hoạt động không chuyên trách ở các xã, phường, thị trấn và thôn-khu phố trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

2. Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố do Trưởng thôn, Trưởng khu phố lựa chọn sau khi thống nhất với Trưởng Ban công tác mặt trận thôn, khu phố; Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định công nhận Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố.

Điều 4. Nội dung hoạt động và hội nghị của thôn, khu phố

1. Những nội dung hoạt động của thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Những nội dung hội nghị của thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 5. Điều kiện thành lập thôn mới, khu phố mới

Việc thành lập thôn mới, khu phố mới thực hiện theo quy định tại Khoản 4 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 6. Điều kiện sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên, phân loại thôn, khu phố

1. Việc sáp nhập, giải thể, đặt tên, đổi tên thôn, khu phố thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Việc phân loại thôn, khu phố được thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 7. Quy trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới

1. Sau khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định chủ trương thành lập thôn mới, khu phố mới; Ủy ban nhân dân cấp huyện giao Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới.

Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

- a) Sự cần thiết phải thành lập thôn mới, khu phố mới.
- b) Tên gọi của thôn mới, khu phố mới.
- c) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn mới, khu phố mới.
- d) Các điều kiện khác được quy định tại Điều 5 Quy chế này;
- đ) Đề xuất, kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới về Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án thành lập thôn mới, khu phố mới nếu được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thành lập thôn mới, khu phố mới tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất. Trong thời

hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

4. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến, Ủy ban nhân dân cấp huyện có tờ trình (kèm theo hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã) gửi Sở Nội vụ để thẩm định trình Ủy ban nhân dân tỉnh. Thời hạn thẩm định của Sở Nội vụ không quá mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận được Tờ trình và hồ sơ hợp lệ của Ủy ban nhân dân cấp huyện.

5. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện (kèm theo tờ trình và hồ sơ thành lập thôn mới, khu phố mới của Ủy ban nhân dân cấp xã);

b) Văn bản thẩm định của Sở Nội vụ.

6. Căn cứ hồ sơ trình của Ủy ban nhân dân cấp huyện và kết quả thẩm định của Sở Nội vụ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét ban hành Nghị quyết thành lập thôn mới, khu phố mới.

Điều 8. Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, khu phố

Quy trình và hồ sơ sáp nhập, giải thể và đặt tên, đổi tên thôn, khu phố được thực hiện theo quy định tại Khoản 7 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 9. Quy trình và hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có

1. Đối với trường hợp ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có theo quy định tại Khoản 4 Điều 2 Quy định này thì sau khi có Quyết định về chủ trương của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã xây dựng Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.

Nội dung chủ yếu của Đề án gồm:

a) Sự cần thiết ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.

b) Dân số (số hộ gia đình, số nhân khẩu) của thôn, khu phố sau khi ghép.

c) Đề xuất, Kiến nghị.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã tổ chức lấy ý kiến của toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư (bao gồm cụm dân cư thôn, khu phố hiện có) về Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có; tổng hợp các ý kiến và lập thành biên bản lấy ý kiến về Đề án.

3. Đề án ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có, nếu có được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ (kèm theo biên bản lấy ý kiến) trình Hội đồng nhân dân cấp xã thông qua tại kỳ họp gần nhất; trong thời hạn mười ngày làm việc kể từ ngày có Nghị quyết của Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban nhân dân cấp xã hoàn chỉnh hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện.

Trường hợp Đề án chưa được trên 50% số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình trong khu vực thực hiện ghép cụm dân cư tán thành thì Ủy ban nhân dân

cấp xã tổ chức lấy ý kiến lần thứ hai; nếu vẫn không được trên 50 % số cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình tán thành thì trong thời hạn 5 ngày làm việc kể từ ngày có biên bản lấy ý kiến lần thứ hai, Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định.

4. Hồ sơ trình Ủy ban nhân dân cấp huyện gồm:

a) Tờ trình của Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Hồ sơ ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 3 Điều này.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ do Ủy ban nhân dân cấp xã chuyển đến Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm xem xét, thông qua và giao Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Quyết định việc ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có.

Chương III

TRƯỞNG THÔN, TRƯỞNG KHU PHỐ

VÀ PHÓ TRƯỞNG THÔN, PHÓ TRƯỞNG KHU PHỐ

Điều 10. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Trưởng khu phố

Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng thôn và Trưởng khu phố được thực hiện theo quy định tại Khoản 8 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 11. Tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố và Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố

Những tiêu chuẩn của Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Phó Trưởng thôn, Phó Trưởng khu phố được thực hiện theo quy định tại Điều 11 của Thông tư số 04/2012/TT-BNV ngày 31 tháng 8 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

Điều 12. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố

1. Quy trình bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố; được thực hiện theo quy định tại Khoản 9 Điều 1 của Thông tư số 14/2018/TT-BNV ngày 03 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Trưởng thôn và Trưởng khu phố có nhiệm kỳ là 2,5 năm (hai năm rưỡi).

Điều 13. Hình thức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố thành cuộc bầu cử riêng

1. Công tác chuẩn bị:

a) Chậm nhất 20 ngày trước ngày bầu cử, Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công bố ngày bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Chủ trì phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp xây dựng kế hoạch, hướng dẫn nghiệp vụ và tổ chức triển khai kế hoạch bầu cử.

b) Chậm nhất 15 ngày trước ngày bầu cử, Trưởng ban công tác Mặt trận thôn, khu phố tổ chức hội nghị Ban công tác dự kiến danh sách người ứng cử

Trưởng thôn, Trưởng khu phố; báo cáo với Chi ủy chi bộ thôn, khu phố để thống nhất danh sách người ra ứng cử (ít nhất là 02 người).

c) Chậm nhất là 10 ngày trước ngày bầu cử, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập Tổ bầu cử (gồm Tổ trưởng là Trưởng ban công tác mặt trận thôn, khu phố; thư ký và các thành viên khác là đại diện một số tổ chức đoàn thể, chính trị- xã hội và đại diện cử tri thôn, khu phố); quyết định về nhiệm vụ, quyền hạn của Tổ bầu cử, quyết định thành phần cử tri (là toàn thể cử tri hoặc cử tri đại diện hộ gia đình) tham gia bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Các quyết định này phải được thông báo đến nhân dân ở thôn, khu phố chậm nhất 07 ngày trước ngày bầu cử.

2. Toàn thể cử tri hoặc chủ hộ hay cử tri đại diện hộ tham gia bầu trực tiếp Trưởng thôn, Trưởng khu phố theo hình thức bỏ phiếu kín:

Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm phối hợp với các ngành chức năng chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ và giúp đỡ tổ chức bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố thực hiện nhiệm vụ theo quy định.

3. Tổ bầu cử:

a) Thành lập tổ bầu cử: Do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định thành lập.

Tổ bầu cử không quá 07 thành viên do Trưởng ban Công tác Mặt trận làm tổ trưởng. Các thành viên khác đại diện của tổ chức Đảng và một số đoàn thể như Thanh niên, Phụ nữ, Nông dân và Cựu chiến binh của thôn, khu phố.

b) Nhiệm vụ của Tổ bầu cử:

- Lập và niêm yết danh sách cử tri tham gia bầu cử, danh sách ứng cử viên chậm nhất là 07 ngày trước ngày tổ chức bầu cử;

- Nhận tài liệu và phiếu bầu (có đóng dấu của Ủy ban nhân dân cấp xã theo quy định) từ Ủy ban nhân dân cấp xã để phát cho cử tri trong ngày bầu cử; chuẩn bị hòm phiếu;

- Thường xuyên thông báo cho cử tri biết ngày bầu cử, nơi bỏ phiếu, danh sách ứng cử viên, thời gian bỏ phiếu trong thời hạn 05 ngày trước ngày bầu cử;

- Bố trí, trang trí phòng bỏ phiếu;

- Tổ chức ngày bầu cử theo đúng nội quy của phòng bỏ phiếu;

- Xét giải quyết những khiếu nại về bầu cử;

- Kiểm phiếu và lập biên bản kết quả kiểm phiếu;

- Công bố kết quả bầu cử;

- Báo cáo kết quả bầu cử, chuyển giao biên bản kiểm phiếu, phiếu bầu và các tài liệu liên quan đến việc bầu cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố lên Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã;

Tổ bầu cử hết nhiệm vụ khi đã công bố kết quả bầu cử cho Nhân dân biết và trình đầy đủ các thủ tục liên quan đến công tác bầu cử lên Ủy ban nhân dân cấp xã.

4. Kiểm phiếu và công bố kết quả bầu cử:

a) Việc kiểm phiếu phải được tiến hành tại phòng bỏ phiếu ngay khi cuộc bỏ phiếu kết thúc.

b) Trước khi mở hòm phiếu tổ bầu cử phải thống kê, lập biên bản, niêm phong số phiếu bầu còn lại không sử dụng và mời 02 cử tri không phải là người ứng cử có mặt tại đó để chứng kiến việc kiểm phiếu;

c) Tổ trưởng Tổ bầu cử công bố kết quả bầu cho từng người và người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố. Người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố là người có số phiếu bầu hợp lệ cao nhất và trên 50% số cử tri tham gia bầu cử. Kết quả chỉ có giá trị khi có ít nhất 50% số cử tri trong danh sách tham gia bỏ phiếu;

5. Căn cứ biên bản kết quả kiểm phiếu và báo cáo kết quả hội nghị bầu Trưởng thôn, Trưởng khu phố; Ủy ban nhân dân cấp xã ra quyết định công nhận người trúng cử Trưởng thôn, Trưởng khu phố;

6. Kinh phí bầu cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Trưởng thôn, Trưởng khu phố do ngân sách cấp xã cấp theo quy định.

Điều 14. Về chế độ, chính sách đối với những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố

1. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được hưởng phụ cấp hàng tháng theo quy định hiện hành;

2. Những người hoạt động không chuyên trách ở thôn, khu phố được cử đi đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn những kiến thức, kỹ năng cần thiết; nếu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ thì được biểu dương, khen thưởng; không hoàn thành nhiệm vụ, có vi phạm khuyết điểm, không được Nhân dân tín nhiệm thì tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật.

Chương IV TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 15. Sở Nội vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh: Thẩm định việc thành lập thôn mới, khu phố mới trình Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh việc thành lập thôn mới, khu phố mới;

2. Tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: Quyết định kết quả phân loại thôn, khu phố để chính quyền cấp xã thống nhất thực hiện;

3. Theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các quy định tại Quy chế này.

4. Hàng năm, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Nội vụ về quá trình thực hiện theo quy định hiện hành.

Điều 16. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Quyết định ghép cụm dân cư vào thôn, khu phố hiện có sau khi đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện thông qua;

2. Chỉ đạo, kiểm tra việc thực hiện nội dung quy định tại Quy chế này.

Điều 17. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã

Quản lý, chỉ đạo hoạt động của Trường thôn, Trường khu phố trên địa bàn bảo đảm theo quy định tại Quy chế này và các văn bản có liên quan.

Điều 18. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

Trong quá trình tổ chức thực hiện Quy chế này, nếu có những vấn đề vướng mắc, phát sinh cần sửa đổi bổ sung, đề nghị quý cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Thuận (qua Sở Nội vụ tổng hợp) để xem xét quyết định./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Lưu Xuân Vĩnh